

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2025/DS-ST
Ngày: 15/9/2025
“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Bà Đỗ Thị Ngân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14
- Thành phố Hồ Chí Minh.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 504/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ trụ sở: Số A, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội (Nay là số A, phường Đ, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành Tr, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý (vắng mặt).

Theo Văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12-7-2023 của Ngân hàng V.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1998, Căn cước công dân số 052098012433, chức danh: Cán bộ xử lý nợ (có mặt).

Địa chỉ: Số A, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là số A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Theo Văn bản ủy quyền số 116/2024/UQ-VPB ngày 02-05-2025 của Ngân hàng V.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc Q, sinh ngày 28-9-1979, Căn cước công dân số 052079000569, cấp ngày 19-11-2020 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là ấp Q, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị Yến Nh, sinh ngày 22-6-1984, Chứng minh nhân dân số 273134126, cấp ngày 02-6-2015 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là ấp Q, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn Ngân hàng V do ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Ngày 26-3-2021, ông Trần Ngọc Q có ký với Ngân hàng V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh Hợp đồng cho vay số LN2103223511938 và Giấy đề nghị giải ngân ngày 26-3-2021 để vay tiền số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); mục đích vay: Mua xe ô-tô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER; thời hạn vay 96 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; lãi suất vay 09%/01 năm, cố định 12 tháng đầu; sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, biên độ 4,6%/01 năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả (tính trên số tiền lãi chậm trả) tối đa không quá 10%/01 năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Từ sau khi vay và được giải ngân cho đến ngày 15-9-2025, ông Trần Ngọc Q đã thanh toán được cho Ngân hàng V (sau đây viết tắt là Ngân hàng) tổng số tiền gốc và lãi là 242.435.184 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn một trăm tám mươi bốn đồng), trong đó tiền nợ gốc 158.750.976 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn chín trăm bảy mươi

sáu đồng) và tiền nợ lãi 83.684.296 đồng (Tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm chín mươi sáu đồng).

Đến ngày 15-9-2025 ông Q còn nợ Ngân hàng số tiền 529.914.320 đồng (Năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm mười bốn ngàn ba trăm hai mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc 341.249.024 đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), tiền nợ lãi quá hạn 188.665.296 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi sáu đồng). Cụ thể:

Về lãi quá hạn gốc: Ngày 15-02-2023 là ngày ông Q bắt đầu quá hạn gốc đến ngày 31-3-2023 là 45 ngày nên tiền lãi quá hạn gốc = (Dư nợ gốc quá hạn x Lãi suất quá hạn: 365 ngày) x 45 ngày = $[385.424.000 \text{ đồng} \times 25,20\%]/365 \times 45 \text{ ngày} = 11.974.543 \text{ đồng}$; từ ngày 01-4-2023 đến ngày 17-5-2023 là 47 ngày: $[385.423.648 \text{ đồng} \times 24,15\%]/365 \times 47 \text{ ngày} = 11.985.619 \text{ đồng}$, từ ngày 18-5-2023 đến ngày 31-5-2023 là 14 ngày: $[380.216.000 \text{ đồng} \times 24,15\%]/365 \times 14 \text{ ngày} = 3.521.946 \text{ đồng}$, từ ngày 01-6-2023 đến ngày 16-7-2023 là 46 ngày: $[380.215.591 \text{ đồng} \times 24,15\%]/365 \times 46 \text{ ngày} = 11.572.096 \text{ đồng}$, từ ngày 17-7-2023 đến ngày 15-8-2023 là 30 ngày: $[370.454.591 \text{ đồng} \times 23,55\%]/365 \times 30 \text{ ngày} = 7.170.580 \text{ đồng}$, từ ngày 16-8-2023 đến ngày 18-9-2023 là 34 ngày: $[360.674.291 \text{ đồng} \times 23,55\%]/365 \times 34 \text{ ngày} = 7.912.107 \text{ đồng}$, từ ngày 19-9-2023 đến ngày 22-10-2023 là 34 ngày: $[350.949.024 \text{ đồng} \times 23,55\%]/365 \times 34 \text{ ngày} = 7.698.764 \text{ đồng}$, từ ngày 23-10-2023 đến ngày 31-12-2023 là 70 ngày: $[341.249.024 \text{ đồng} \times 21,75\%]/365 \times 70 \text{ ngày} = 14.234.291 \text{ đồng}$, từ ngày 01-01-2024 đến ngày 31-3-2024 là 91 ngày: $[341.249.024 \text{ đồng} \times 21,75\%]/365 \times 91 \text{ ngày} = 18.504.579 \text{ đồng}$, từ ngày 01-4-2024 đến ngày 30-6-2024 là 91 ngày: $[341.249.024 \text{ đồng} \times 17,85\%]/365 \times 91 \text{ ngày} = 15.186.516 \text{ đồng}$, từ ngày 01-7-2024 đến ngày 30-9-2024 là 92 ngày: $[341.249.024 \text{ đồng} \times 19,35\%]/365 \times 92 \text{ ngày} = 16.643.603 \text{ đồng}$, từ ngày 01-10-2024 đến ngày 31-12-2024 là 92 ngày: $[341.249.024 \text{ đồng} \times 18,90\%]/365 \times 92 \text{ ngày} = 16.256.543 \text{ đồng}$, từ ngày 01-01-2025 đến ngày 31-3-2025 là 90 ngày: $[341.249.024 \text{ đồng} \times 18,60\%]/365 \times 90 \text{ ngày} = 15.650.709 \text{ đồng}$, từ ngày 01-4-2025 đến ngày 30-6-2025 là 91 ngày: $[341.249.024 \text{ đồng} \times 19,05\%]/365 \times 91 \text{ ngày} = 16.207.459 \text{ đồng}$, từ ngày 01-7-2025 đến ngày 15-9-2025 là 77 ngày: $[341.249.024 \text{ đồng} \times 19,65\%]/365 \times 77 \text{ ngày} = 14.145.941 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền lãi quá hạn là 188.665.296 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi sáu đồng).

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Trần Ngọc Q và vợ của ông Q là bà Vũ Thị Yên Nh có thể chấp tài sản là quyền sở hữu 01 xe ô-tô, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER, biển số đăng ký 72A-497.45, số khung

MK2LRNC1WLN019946, số máy 4A91KAA7377 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) cấp ngày 29-3-2021 cho ông Trần Ngọc Q.

Nay, Ngân hàng V yêu cầu ông Trần Ngọc Q phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số LN2103223511938 ngày 26-3-2021 tính đến ngày 15-9-2025 với số tiền 529.914.320 đồng (Năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm mười bốn ngàn ba trăm hai mươi đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 341.249.024 đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), tiền nợ lãi quá hạn 188.665.296 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 16-9-2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Trần Ngọc Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là xe ô-tô, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER, biển số đăng ký 72A-497.45, số khung MK2LRNC1WLN019946, số máy 4A91KAA7377, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) cấp ngày 29-3-2021 cho ông Trần Ngọc Q.

Trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì ông Trần Ngọc Q phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền còn thiếu cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Trần Ngọc Q, bà Vũ Thị Yến Nh để làm việc theo quy định của pháp luật nhưng ông Q, bà Nh không đến.

Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin cư trú của ông Q, bà Nh tại địa phương nơi ông Q, bà Nh đăng ký hộ khẩu thường trú. Kết quả xác minh cho thấy vào thời điểm các bên xác lập giao dịch (cho vay tiền), thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì ông Q, bà Nh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ thôn Q, xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là ấp Q, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau đó, ông Q, bà Nh đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng

phần quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm nên đề nghị Tòa án khắc phục.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 274, 275, 280, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng V khởi kiện ông Trần Ngọc Q phải trả số tiền vay còn thiếu theo Hợp đồng cho vay đã ký giữa hai bên nên đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*”; nơi cư trú của ông Trần Ngọc Q là xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Ngọc Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Yến Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về tính hợp pháp của Hợp đồng cho vay số LN2103223511938 ngày 26-3-2021, thấy:

Hợp đồng cho vay số LN2103223511938 ngày 26-3-2021 được ký kết giữa Ngân hàng V với ông Trần Ngọc Q là loại hợp đồng theo mẫu, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Do đó, căn cứ vào Điều 405 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 98 của Luật các tổ

chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì thỏa thuận này có giá trị pháp lý nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Về số tiền gốc, tiền lãi nguyên đơn yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng cho vay số LN2103223511938 ngày 26-3-2021:

Ngày 26-3-2021, Ngân hàng V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và ông Trần Ngọc Q đã ký Hợp đồng cho vay số LN2103223511938 ngày 26-3-2021. Theo đó, ông Q có vay của Ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Ngân hàng đã giải ngân cho ông Q theo Giấy đề nghị giải ngân ngày 26-3-2021 với số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) vào tài khoản của ông Q, số tài khoản tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Sài Gòn thông qua Giấy đề nghị giải ngân ngày 26-3-2021 của ông Q; mục đích vay: Mua xe ô-tô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER; thời hạn vay 96 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 09%/ 01 năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày), lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng đầu kể từ ngày 30-3-2021, hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 30-3-2022, ngày điều chỉnh tiếp theo là ngày 01-4-2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở Việt Nam đồng áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại Website: www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,6%/01 năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả (tính trên số tiền lãi chậm trả) tối đa không quá 10%/01 năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; thời hạn trả nợ: Bên vay trả nợ gốc cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15-4-2021, số tiền phải trả 5.208.000 đồng (Năm triệu hai trăm linh tám ngàn đồng). Kỳ cuối cùng trả dứt nợ vay; Kỳ hạn trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15-4-2021.

Ngày 15-02-2023, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 15-02-2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc qua nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn đối với khoản vay của ông Q với mức lãi suất quá hạn bằng 150%/01 năm mức lãi suất cho vay trong hạn.

Từ sau khi vay và được giải ngân cho đến ngày 15-9-2025, ông Q đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 242.435.184 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn một trăm tám mươi bốn đồng), trong đó tiền nợ gốc 158.750.976 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn chín

trăm bảy mươi sáu đồng) và tiền nợ lãi 83.684.296 đồng (Tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm chín mươi sáu đồng).

Như vậy, căn cứ vào mục 6, mục 7, mục 8 Điều 2; Điều 3 của Hợp đồng cho vay số LN2103223511938 ngày 26-3-2021; Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 15-02-2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận giữa hai bên khi xác lập hợp đồng là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng.

Do đó, cần buộc ông Q phải có nghĩa vụ trả số nợ còn thiếu cho Ngân hàng tính đến ngày 15-9-2025 theo Hợp đồng cho vay số LN2103223511938 ngày 26-3-2021 với số tiền là 529.914.320 đồng (Năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm mười bốn ngàn ba trăm hai mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc 341.249.024 đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), tiền nợ lãi 188.665.296 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 16-9-2025 theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng:

Để bảo đảm cho khoản vay với Ngân hàng, ngày 26-3-2021, vợ chồng ông Q, bà Nh đã ký Hợp đồng thế chấp số: LN2103223511938 ngày 26-3-2021 để thế chấp tài sản là 01 xe ô-tô, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER, biển số đăng ký 72A-497.45, số khung MK2LRNC1WLN019946, số máy 4A91KAA7377, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) cấp ngày 29-3-2021 cho ông Trần Ngọc Q, theo Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng của Trung tâm Đăng ký Giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án không thực hiện được thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm vì ông Q, bà Nh không có mặt tại địa chỉ cư trú.

Xét thấy, tài sản đảm bảo là xe ô tô thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm (ông Q, bà Nh), đã được đăng ký bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 22 của Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19-3-2021 của Chính phủ Quy định thi hành

Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Do ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ quy định tại các Điều 295, 298, 299, 303, 319, 320 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là: $[20.000.000 \text{ đồng} + 4\% (529.914.320 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng})] = 25.197.000 \text{ đồng}$ (Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 280, 298, 299, 303, 319, 320, 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V đối với bị đơn ông Trần Ngọc Q về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*”.

Ông Trần Ngọc Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 15-9-2025 theo Hợp đồng cho vay số LN2103223511938 ngày 26-3-2021 với số tiền 529.914.320 đồng (Năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm mười bốn ngàn ba trăm hai mươi đồng), trong đó:

Tiền nợ gốc 341.249.024 đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), tiền nợ lãi quá hạn 188.665.296 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15-9-2025) cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Ngọc Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay số LN2103223511938 ngày 26-3-2021 cho đến khi trả hết nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Trần Ngọc Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền vay còn thiếu thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng là 01 xe Ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER, biển số đăng ký 72A-497.45, số khung MK2LRNC1WLN019946, số máy 4A91KAA7377, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) cấp ngày 29-3-2021 cho ông Trần Ngọc Q; theo Hợp đồng thế chấp số LN2103223511938 ngày 26-3-2021 giữa Ngân hàng Ngân hàng V, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với ông Trần Ngọc Q, bà Vũ Thị Yến Nh; theo Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, có số đăng ký 1409304854 ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì ông Trần Ngọc Q phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền còn thiếu cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí: Ông Trần Ngọc Q phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 25.197.000 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Ngân hàng V không phải nộp án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền 10.023.000 đồng (Mười triệu không trăm hai mươi ba ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức (Nay là Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001687 ngày 26 tháng 11 năm 2024.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (ngày 15-9-2025). Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 14 - TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án DS TP. HCM;
- Phòng THA DS KV 14, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga